



Phụ lục
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (PAR INDEX CẤP TỈNH)
VỀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-VPUB ngày /10/2022 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	1.50	0.45	1.4778		
1.7	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1.50	0.45	1.4778		
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 1.5 + (c/a) * 1.0$ Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ. c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.				Tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022, số liệu của tỉnh Hưng Yên như sau: a = 90 nhiệm vụ; b = 27 nhiệm vụ; c = 0 nhiệm vụ. Điểm = $(27/90) * 1.5 + (0/90) * 1.0$ = 0.45 điểm. Tài liệu kiểm chứng: Số liệu được xuất từ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi, thời gian từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022.	Đơn đốc triển khai tốt 63 nhiệm vụ đang thực hiện (59 nhiệm vụ trong hạn, có 4 nhiệm vụ đã quá hạn) và các nhiệm vụ mới (nếu có) để bảo đảm hoàn thành đúng và sớm tiến độ, không để có thêm nhiệm vụ muộn tiến độ.
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13.00	12.6929	12.9		
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1.00	1.00	1.00		
	Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền: 0.5		0.5	0.5	Trong 9 tháng đầu năm 2022,	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					UBND tỉnh Hưng Yên không ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC nên không có TTHC ban hành trái thẩm quyền. Tài liệu kiểm chứng: các báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ trong năm 2022 đã được UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện và gửi về Văn phòng Chính phủ trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định.	
	<i>Có các kiến nghị cải cách TTHC được Trung ương ghi nhận, thể chế hóa tại VBQPPL trong năm đánh giá: 0.5</i>		0.5	0.5	Năm 2022, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC (ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12/01/2022) và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch một cách nghiêm túc, hiệu quả. Kết quả, đã thông qua 04 phương án đơn giản hóa TTHC với tổng số 06 TTHC được kiến nghị đơn giản hóa. Các phương án đơn giản hóa đều thuộc thẩm quyền quy định của các cơ quan nhà nước ở Trung ương, nên đã được gửi về các bộ, ngành Trung ương xem xét theo quy định của	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					pháp luật, cụ thể là: - Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 về việc thông qua phương án đơn giản hóa TTHC trong lĩnh vực Đào tạo với nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 về việc thông qua phương án đơn giản hóa TTHC trong lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 về việc thông qua phương án đơn giản hoá TTHC trong lĩnh vực Đầu tư Việt nam; Xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					- Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc thông qua phương án đơn giản hoá TTHC trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng. Tài liệu kiểm chứng: - Các báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ trong năm 2022 đã được UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện và gửi về Văn phòng Chính phủ trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định. - 04 Quyết định thông qua phương án đơn giản hoá TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên.	
3.2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	3.00	2.80	2.90		
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định	0.50	0.5	0.5	- Về công bố danh mục TTHC: Căn cứ các Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên đã	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					ban hành 23 Quyết định công bố danh mục TTHC với tổng số 580 lượt TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh. Việc công bố bảo đảm đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định của pháp luật. - Về công bố TTHC: Do tỉnh không ban hành TTHC nên không phải thực hiện việc công bố TTHC theo quy định. Tài liệu kiểm chứng: - Các báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ trong năm 2022 đã được UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện và gửi về Văn phòng Chính phủ trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định. - 23 Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên.	
	Đầy đủ, kịp thời theo: 0.50					
	Không đầy đủ hoặc không kịp thời theo quy định: 0					
3.2.2	Công khai TTHC và các quy định có liên quan	1.50	1.50	1.50		
	Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng dịch		0.5	0.5	Các TTHC sau khi được Chủ	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
	<i>vụ công quốc gia: 0.50</i>				tịch UBND tỉnh công bố đã được Văn phòng UBND tỉnh công khai đầy đủ, kịp thời trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo đúng quy định. Tài liệu kiểm chứng: dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.	
	<i>Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và các website của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC: 0.50</i>		0.5	0.5	Cổng dịch vụ công tỉnh và 100% các Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh (có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết TTHC), UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Tài liệu kiểm chứng: dữ liệu trên Cổng dịch vụ công tỉnh Hưng Yên tại địa chỉ: https://dichvucong.hungyen.gov.vn và các Cổng/Trang thành viên.	
	<i>Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời tại Bộ phận Một cửa các cấp: 0.50</i>		0.5	0.5	100% Bộ phận một cửa các cấp đã công khai đầy đủ, kịp thời TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật.	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					Tài liệu kiểm chứng: - Các báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ trong năm 2022 đã được UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện và gửi về Văn phòng Chính phủ trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định. - Báo cáo kết quả kiểm tra công tác CCHC và PAPI năm 2022.	
3.2.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	1.00	0.8	0.9		
	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia: 0.50</i> <i>Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ đã đồng bộ, công khai)* điểm tối đa.</i>		0.5	0.5	100% hồ sơ TTHC của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã được đồng bộ, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022; trên Hệ thống một cửa điện tử tiếp nhận 354.766 hồ sơ (bao gồm các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã và 03 đơn vị ngành dọc) Tài liệu kiểm chứng: dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	
	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính các cấp tại địa phương tiếp nhận, giải quyết được công khai</i>		0.3	0.4	Do Bộ Nội vụ có ghi chú ở tiêu chí thành phần này như sau:	Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên đôn đốc, kiểm

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
	<i>trên Cổng DVC của tỉnh: 0.50</i>				“Cách chấm điểm sẽ được chi tiết tại văn bản hướng dẫn. Điểm đạt được sẽ tính theo kết quả công khai của từng cấp hành chính trong tổng số điểm tối đa”. Do đó, chưa có cách tính điểm chính xác ở thời điểm này. Căn cứ vào tình hình, kết quả thực tế đạt được trên địa bàn tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh ước lượng điểm đạt được khoảng 0.3/0.5 và dự kiến cả năm tăng được 0.4/0.5, tương đương với tỷ lệ hồ sơ được cập nhật công khai trên Cổng DVC của tỉnh (cấp tỉnh: 100%; cấp huyện: khoảng 90%; cấp xã: khoảng 52%). Tài liệu kiểm chứng: - Các báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ trong năm 2022 đã được UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện và gửi về Văn phòng Chính phủ trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định. - Dữ liệu trên Cổng dịch vụ công tỉnh Hưng Yên.	tra, ban hành công văn đôn đốc UBND cấp huyện thực hiện và chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện nghiêm túc việc cập nhật, công khai hồ sơ giải quyết TTHC trên Cổng DVC tỉnh. Dự kiến những tháng cuối năm, tỷ lệ này sẽ tăng lên.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3.00	3.00	3.00		
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	1.00	1	1		
	Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: 0.25		0.25	0.25	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát TTHC, Bộ phận Một cửa tại các cơ quan cấp tỉnh được UBND tỉnh cho phép không tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm, gồm Thanh tra tỉnh và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh): $1.454/1.454$ TTHC = 100%. Tài liệu kiểm chứng: Các báo cáo định kỳ của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.	
	Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 0.5		0.5	0.5	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					Một cửa cấp huyện: 273/273 TTHC = 100%. Tài liệu kiểm chứng: Các báo cáo định kỳ của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.	
	<i>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 0.25</i>		0.25	0.25	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã: 129/129 TTHC = 100%. Tài liệu kiểm chứng: Các báo cáo định kỳ của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.	
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	0.50	0.5	0.5	Đã thực hiện đầy đủ việc đưa các TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Số lượng TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đạt 36/36 thủ tục = 100% (23 TTHC đã thực hiện từ năm 2020 gồm 14 TTHC của ngành Quốc phòng và 9 TTHC của ngành Bảo hiểm xã hội; còn 13 TTHC của ngành Công an đã thực hiện từ ngày 11/10/2021). Tài liệu kiểm chứng: Các báo cáo định kỳ của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.	
	<i>Từ 80% số TTHC trở lên: 0.5</i>					
	<i>Từ 60% - dưới 80% số TTHC: 0.25</i>					
	<i>Dưới 60% số TTHC: 0</i>					
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	0.75	0.75	0.75		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
	<i>Từ 50 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên: 0.75</i>				Đã thực hiện được 63 TTHC/nhóm TTHC theo hình thức liên thông cùng cấp. Tài liệu kiểm chứng: Danh sách 63 TTHC/nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp.	
	<i>Từ 40 - 49 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0.5</i>					
	<i>Từ 30- 39 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0.25</i>					
	<i>Dưới 30 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0</i>					
3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	0.75	0.75	0.75	Đã thực hiện được 37 TTHC/nhóm TTHC theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền. Tài liệu kiểm chứng: Danh sách 37 TTHC/nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền.	
	<i>Từ 30 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên: 0.75</i>					
	<i>Từ 20 - 29 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0.5</i>					
	<i>Từ 10- 19 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0.25</i>					
	<i>Dưới 10 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0</i>					
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	5.00	4.997	4.997		
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.50	1.498	1.498	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong 3 quý đầu năm 2022 được giải quyết	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					đúng hạn/tổng số hồ sơ đã được giải quyết như sau: - Quý I: 16.126/16.154 hồ sơ; - Quý II: 19.171/19.191 hồ sơ; - Quý III: 21.333/21.373 hồ sơ. Tổng 9 tháng đầu năm đạt: 56.630/56.718 hồ sơ = 0,99. Tỷ lệ này lớn hơn 0,95 nên điểm đánh giá được tính theo công thức: $(56.630/56.718) \times 1,5 = 1,498$ điểm. Tài liệu kiểm chứng: Các báo cáo định kỳ của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.	
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm</i> <i>b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn</i> <i>Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0.95$ thì điểm đánh giá là 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.50	1.499	1.499	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong 3 quý đầu năm 2022 được giải quyết đúng hạn/tổng số hồ sơ đã được giải quyết như sau: - Quý I: 14.144/14.144 hồ sơ; - Quý II: 14.183/14.218 hồ sơ; - Quý III: 18.277/18.277 hồ sơ. Tổng 9 tháng đầu năm đạt: 46.604/46.639 hồ sơ = 0,999. Tỷ lệ này lớn hơn 0,95 nên điểm đánh giá được tính theo công thức: $(46.604/46.639) \times 1,5 = 1,499 \text{ điểm.}$ Tài liệu kiểm chứng: Các báo cáo định kỳ của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ Trong đó:					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
	<i>a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0.95$ thì điểm đánh giá là 0</i>					
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.00	1.00	1.00	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong 3 quý đầu năm 2022 được giải quyết đúng hạn/tổng số hồ sơ đã được giải quyết như sau: - Quý I: 138.945/138.945 hồ sơ; - Quý II: 171.486/171.486 hồ sơ; - Quý III: 152.166/152.166 hồ sơ. Tổng 9 tháng đầu năm đạt: 462.597/462.597 hồ sơ = 1,00. Tỷ lệ này lớn hơn 0,95 nên điểm đánh giá được tính theo công thức: $(462.597/462.597) \times 1,00 = 1,00$ điểm. Tài liệu kiểm chứng: Các báo cáo định kỳ của UBND tỉnh về	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.	
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm</i> <i>b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn</i> <i>Trường hợp tỷ lệ b/a < 0.95 thì điểm đánh giá là 0</i>					
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0.25	0.25	0.25	Trong 3 quý đầu năm, các cơ quan trên địa bàn tỉnh đã giải quyết trễ hạn 123 hồ sơ (88 hồ sơ ở cấp tỉnh, 35 hồ sơ ở cấp huyện) và đã thực hiện trách nhiệm xin lỗi người dân, tổ chức đầy đủ, đúng quy định. Tài liệu kiểm chứng: 123 văn bản xin lỗi cá nhân, tổ chức.	
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.25</i>					
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>					
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	0.75	0.75	0.75	Đang nghiên cứu triển khai thực hiện theo Công văn số 4660/VPCP-KSTT ngày 26/7/2022 của Văn phòng Chính phủ	
	<i>Từ 80% - 100% CQCM cấp tỉnh đạt điểm đánh giá</i>		0.25	0.25		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
	<i>từ tốt trở lên: 0.25</i>					
	<i>Từ 80% - 100% UBND cấp huyện đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 0.25</i>		0.25	0.25		
	<i>Từ 80% - 100% UBND cấp xã đạt điểm từ tốt trở lên: 0.25</i>		0.25	0.25		
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1.00	0.8929	1.00		
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	0.75	0.6429	0.75	9 tháng đầu năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên đã tiếp nhận 07 PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh. Hiện đã xử lý xong 06 PAKN, còn 01 PAKN đang xử lý. Như vậy, điểm đạt được = $6/7 \times 0.75 = 0.6429$ điểm. Kết quả xử lý cụ thể như sau: - 01 phản ánh, kiến nghị của công dân Nguyễn Văn Bình: MS: PAKN.20211216.0069 Kết quả xử lý: Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 15/02/2022 của UBND huyện	Tập trung chỉ đạo, yêu cầu Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp xử lý nhanh chóng, chính xác, khách quan PAKN của Doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					Văn Giang về việc giải quyết nội dung đơn của bà Lương Thị Bé, thôn Khúc Lộng, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang. - 01 phản ánh, kiến nghị của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Khánh Linh: MS: PAKN.20211221.0009 Kết quả xử lý: Báo cáo số 13/BC-UBND ngày 24/01/2022 của UBND huyện Tiên Lữ báo cáo tình hình xử lý PAKN. - 01 phản ánh, kiến nghị của công dân Vũ Thanh Bình: MS: PAKN.20220322.0006 Kết quả xử lý: Báo cáo số 135/BC-UBND ngày 13/4/2022 của UBND huyện Khoái Châu. - 01 phản ánh, kiến nghị của công dân Trần Thị Bình:	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					MS: PAKN.20220110.0038 Kết quả xử lý: Báo cáo số 470/BC-UBND ngày 10/6/2022 của UBND thành phố Hưng Yên. - 01 phản ánh, kiến nghị của công dân Đỗ Thị Hoài: MS: PAKN.20220804.0047 Kết quả xử lý: Báo cáo số 2611/BC-CAT-PC06 ngày 12/9/2022 của Công an tỉnh Hưng Yên. - 01 phản ánh, kiến nghị của công dân Nguyễn Thị Hà: MS: PAKN.20220802.0071 Kết quả xử lý: Báo cáo số 2875/BC-CAT-PC06 ngày 30/9/2022 của Công an tỉnh Hưng Yên. - PAKN của công ty Phan Thị: hiện nay cơ quan công an đang xác minh.	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					Tài liệu kiểm chứng: - Các báo cáo định kỳ của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. - Kết quả xử lý PAKN được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$.</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số kiến nghị phải trả lời.</i> <i>b là số kiến nghị đã được trả lời.</i> <i>Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa.</i>					
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	0.25	0.25	0.25	Toàn bộ kết quả xử lý 06 PAKN trên đều được công khai đầy đủ trên Hệ thống thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của Chính phủ theo đúng quy định tại địa chỉ: https://pakn.dichvucong.gov.vn .	
	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
	<i>theo quy định: 0.25</i>					
	<i>Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0</i>					
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	7.00	4.96315	6.25		
7.3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức	7.00	4.96315	6.25		
7.3.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	0.50	0.25	0.25		
	<i>Đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định: 0.25</i>		0.25	0.25	<i>Đã đáp ứng theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP</i>	
	<i>Đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6: 0.25</i>		0	0		
7.3.2	Nâng cấp, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	2.00	2.00	2.00		
	<i>Cổng DVC của tỉnh đáp ứng đầy đủ chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định: 0.50</i>		0.5	0.5	Cổng DVC của tỉnh đáp ứng đầy đủ chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định. Tài liệu kiểm chứng: Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT: Phần mềm Cổng Dịch vụ công và HTTT một cửa điện tử tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2024	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
	Cổng DVC trực tuyến của tỉnh đã kết nối, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia: 0.50		0.5	0.5	Cổng DVC trực tuyến của tỉnh đã đảm bảo kết nối, cung cấp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-dich-vu-cong-truc-tuyen.html	
	Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đáp ứng kết nối liên thông đến 100% đơn vị cấp xã: 1.00		1	1	- 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã sử dụng Hệ thống một cửa điện tử tỉnh; - 03 đơn vị ngành dọc: Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Điện lực tỉnh sử dụng hệ thống một cửa điện tử; - Địa chỉ truy cập: https://motcua.hungyen.gov.vn hoặc https://dichvucong.hungyen.gov.vn	
7.3.3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	1.00	1.00	1.00		
	Tính điểm theo công thức: $b/a \times \text{điểm tối đa}$ Trong đó: a là Tổng số dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình; b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Nếu $b/a < 0.90$ thì điểm đánh giá là 0.				100% thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp mức độ 4 được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công tỉnh. Hiện tại, trên Cổng Dịch vụ công có 840 dịch vụ công mức độ 4 và 422 dịch vụ công mức độ 3; đảm bảo	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					100% TTHC đều được các sở, ngành rà soát đề nghị cung cấp trực tuyến; số liệu có thể thay đổi thường xuyên, do danh mục TTHC ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ. - Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.hungyen.gov.vn	
7.3.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1.00	0.213	0.5		
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$.</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm (gồm cả toàn trình và một phần)</i> <i>b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình</i>				- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 21,3% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận (gồm trực tuyến và trực tiếp); - Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022, tổng số hồ sơ trực tuyến là 75.689 trên tổng số 354.766 hồ sơ được tiếp nhận. (Ghi chú: Đây là tỷ lệ tạm tính vì hiện nay chưa rõ là chỉ tiêu yêu cầu tính trên tất cả số lượng hồ sơ tiếp nhận của tất cả các TTHC có phát sinh hồ sơ hay chỉ tính trên các thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến toàn trình; chưa có hướng dẫn của Bộ Nội vụ về cách tính	Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã tiếp tục tập trung hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
					điểm cụ thể)	
7.3.5	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	1.00	1.00	1.00		
	Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực đạt tối thiểu tương ứng 40%: 1.00				- Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 14/03/2022 của UBND tỉnh về số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; - Kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực hiện tại đang được các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện số hóa trên Phần mềm một cửa điện tử, đồng thời được số hóa trên Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, các CSDL chuyên ngành: Hộ tịch, Đăng ký kinh doanh, Người có công, ngành Giáo dục, Nông nghiệp,...	Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã tiếp tục triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết đảm bảo đủ 100% đến hết năm 2025.
	Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực đạt tối thiểu tương ứng dưới 40%: 0					
7.3.6	Thực hiện thanh toán trực tuyến đối với các TTHC đủ điều kiện	1.50	0.50015	1.5		
	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$.		0.5	0.5	a (là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính)= 745 b (là số TTHC có yêu cầu nghĩa	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Giải pháp, phương án khắc phục tồn tại hạn chế (đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa)
			Đến 30/9/2022	Dự kiến cả năm 2022		
	<i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính</i> <i>b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</i>				vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến) = 745. Tính điểm theo công thức: $(745/745)*0.5 = 0.5$ điểm.	
	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 0.50 <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a)*\text{điểm tối đa}$.</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</i> <i>b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>		0	0.5	Chưa thống kê được các số liệu liên quan để thực hiện đánh giá. Tạm thời chưa đánh giá được.	
	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 0.50 <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a)*\text{điểm tối đa}$.</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá</i> <i>b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>		0.00015	0.5	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến của tỉnh Hưng Yên đạt 0.03% (Theo số liệu tại Công văn số 6249/VPCP-KSTT ngày 21/9/2022 của Văn phòng Chính phủ).	
	TỔNG ĐIỂM	21.50	18.10605	20.6278		